TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thịnh

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ly Thị S (Tên gọi khác: Lù Già Kh/Lù Già Kh), sinh năm 1988; dân tộc: Nùng; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lù Văn T, sinh năm 1985; dân tộc: Nùng; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2021 và trong quá trình giải Q vụ án, nguyên đơn là Chị Ly Thị S trình bày: Chị và anh Lù Văn T tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2006 có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc Nùng. Sau khi cưới, chị chuyển hộ khẩu về sinh sống

cùng gia đình chồng tại thôn Đản Rạ, xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Thời điểm đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã hay không thì hiện chị không nhớ vì chị cũng không còn giấy đăng ký kết hôn để nộp cho Tòa án, có thể do vợ chồng chị làm mất giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chị chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nát rượu, anh T thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị. Năm 2015 vợ chồng chị chuyển khẩu về sinh sống tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Từ đó đến nay anh T cũng vẫn chứng nào tật đấy, không thay đổi, thường xuyên uống rượu về đánh vợ. Chị đã báo lên thôn B đề nghị hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng và chị đã Q định ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn gì, có níu kéo cũng không có hạnh phúc, nên chị S đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Lù Văn T. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng giao cháu Lù Seo Q cho anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn giao cháu Lù Thị H cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị S là lao động tự do có mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng nhưng chị S không có tài liệu, chứng cứ gì về mức thu nhập để nộp cho Tòa án. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: chị S có nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đề cập giải Q.

Trong quá trình giải Q vụ án, bị đơn là anh Lù Văn T trình bày: anh và Chị Ly Thị S chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị S về làm dâu và chung sống với gia đình nhà chồng tại xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Hiện do thời gian đã lâu nên anh T không nhớ vợ chồng anh có đăng ký kết hôn theo quy định của Ủy ban nhân dân xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang hay không, giấy tờ về đăng ký kết hôn đã thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được. Đến năm 2016 vợ chồng anh chị cùng hai con đã chuyển hộ khẩu thường trú về sinh sống tại thôn B, xã T cho đến nay. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng rất hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 10 năm 2020 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị S không chung thủy, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo và hòa giải tại thôn nhưng không có kết quả. Do đó, nay chị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải Q ly hôn, anh T hoàn toàn nhất trí. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 và Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu Chị Ly Thị S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lù Thị H là 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng) / tháng. Anh T là lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng)/

tháng nhưng anh T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập. Trong thời gian chị S bỏ đi từ tháng 11/2020 cả hai cháu Q và H đều ở với anh T. Về chia tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng: anh T không yêu cầu Toà án giải Q.

Ngày 11/3/2021 Tòa án hỏi ý kiến của cháu Lù Seo Q và cháu Lù Thị H là các con chung của Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T, cháu Lù Seo Q trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố vì mẹ cháu đang đi làm xa, không ở nhà, cháu Lù Thị H trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu là con gái nên ở với mẹ sẽ thuận tiện cho cuộc sống sinh hoạt và việc học tập của cháu sau này.

Ngày 29/3/2021 Ủy ban nhân dân xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đã cung cấp cho Tòa án bản sao trích lục kết hôn của Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T thể hiện chị S và anh T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang vào ngày 03/01/2010.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/4/2021. Tại phiên hòa giải, Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T đã thống nhất được những nội dung sau: Về quan hệ hôn nhân, Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn; Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung, Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T không yêu cầu Tòa án đề cập giải Q. Tuy nhiên về con chung, anh chị chưa thống nhất được người trực tiếp nuôi dưỡng các con, cụ thể: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 và Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010, chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Thị H và giao cho anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Seo Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không nhất trí và đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị S và anh T giữ nguyên quan điểm như tại phiên hòa giải.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bố đẻ Chị Ly Thị S, trưởng thôn B- xã T, công chức tư pháp xã Tân Thành, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Tân Thành phản ánh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T như sau: Anh Lù Văn T và Chị Ly Thị S chuyển khẩu về sinh sống, đăng ký thường trú tại thôn B, xã T, Bắc Quang, Hà Giang từ năm 2015 cho đến nay. Quá trình chung sống tại thôn B, chị S và anh T có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị S làm nghề cúng, hay đi nhiều, anh T ghen tuông, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, Ban quản lý thôn B cũng đã hòa giải cho anh chị 03 lần nhưng cũng không khắc phục được, có lần mâu thuẫn trầm trọng, chị S đã uống thuốc sâu tự tử nhưng được ban quản lý thôn và anh em cứu sống. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay thì Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T đã sống ly thân. Về con chung: Quá trình chung sống chị S và anh T có hai con chung là cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 và Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Lù Văn T. Nếu trong trường hợp Tòa án giải Q cho chị S và anh T ly hôn thì theo chính quyền

địa phương nên giải quyết theo nguyện vọng của các cháu để đảm bảo điều kiện chăm sóc con được tốt H cũng như về phát triển tâm sinh lý của con. Về điều kiện kinh tế thì Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T đều là lao động tự do, chị S làm thêm nghề cúng nên thu nhập khá hơn anh T, thu nhập bình quân của chị S khoảng gần 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng. Anh T chủ yếu làm nghề nông, hái chè, thu nhập bình quân khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ / tháng. Trước đây gia đình anh Lù Văn T là hộ nghèo, sau đó được nhà nước hỗ trợ cho vay vốn và cho 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để làm nhà nên hiện giờ kinh tế gia đình anh T thuộc hộ trung bình của thôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải Q vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Ly Thị S được ly hôn anh Lù Văn T. Việc nuôi con: giao cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 cho anh Lù Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010 cho Chị Ly Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Chị Ly Thị S có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn là anh Lù Văn T, anh Lù Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện Bắc Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống với nhau hòa thuận tại xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Đến năm 2015 anh chị cùng các con chuyển hộ khẩu về sinh sống tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống tại thôn Bản Tân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được Ban quản lý thôn hòa giải ba lần nhưng không khắc phục được. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Nay Chị Ly Thị S có yêu cầu xin ly hôn anh Lù Văn T, anh T nhất trí ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Ly Thị S được ly hôn anh Lù Văn T.

[4] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 và Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010. Chị Ly Thị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lù Thị H, anh Lù Văn T không nhất trí và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Lù Seo Q có nguyện vọng được ở với bố, cháu Lù Thị H có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Lù Thị H là con gái giao cho mẹ nuôi sẽ đảm bảo phát triển tâm sinh lý tốt H, mặt khác theo ý kiến của chính quyền địa phương nếu vợ chồng anh T và chị S ly hôn nên giải Q người trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của các con để đảm bảo điều kiện chăm sóc con được tốt H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lù Seo Q cho anh Lù Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lù Thị H cho Chị Ly Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Ly Thị S và anh Lù Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải Q.

[6] Về án phí: nguyên đơn Chị Ly Thị S là người dân tộc Nùng, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Ly Thị S *(Tên gọi khác: Lù Già Kh/Lù Già Kh)* được ly hôn anh Lù Văn T.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Lù Seo Q, sinh ngày 07/11/2007 cho anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và giao cháu Lù Thị H, sinh ngày 14/11/2010 cho Chị Ly Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị S, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Ly Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà